TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LÂM
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 65/2024/HSST
Ngày: 10-9-2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đình Phong**.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà: **Đỗ Thị TH Huyền**.
- Ông: **Hồ Đình Quảng**.

Thư ký phiên tòa: Ông **Trương Quang Vũ** – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thu Trang** – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024 tại Hội trường Tòa án nhân dân, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 70/2024/TLST-HS ngày 06/8/2024 T Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2024/QĐXXST-HS ngày 28/8/2024 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: **Lê Minh Đ**; Sinh ngày: 02/11/1970 tại tỉnh Lâm Đồng.

HKTT: TDP Lạc Thiện 1, TT. D'Ran, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

Chỗ ở: thôn 3, xã Lộc An, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 10/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo.

Con ông: Lê B, sinh năm: 1947, hiện trú tại TT. D'Ran, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng; con bà Võ Thị K, sinh năm: 1951 (đã chết).

Vợ: Dương Thị Yến V, sinh năm 1973, hiện trú tại TT. D'Ran, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng. Bị cáo có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2007.

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Tại Bản án số 323/2012/HSST ngày 25/5/2012 của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội xử phạt bị cáo số tiền 6.000.000 đồng về tội Đánh bạc.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/3/2024 cho đến nay tại xã Lộc An, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2/ Họ và tên: **Lê Nguyên H**; Sinh ngày: 20/6/1967 tại tỉnh Thừa Thiên Huế.

HKTT: thôn 1, xã Đạ Ròn, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

Chỗ ở: thôn 3, xã Lộc An, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không.

Con ông: Lê Kim T (đã chết); con bà Nguyễn Thị Q (đã chết).

Vợ: Phạm Thị Hiển, sinh năm: 1967, hiện trú tại xã Đạ Ròn, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng. Bị cáo có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 2003.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Bản án số 22/2014/HSST ngày 17/3/2014 của Tòa án nhân dân huyện Đ T, tỉnh Lâm Đồng xử phạt bị cáo 12 tháng tù cho hưởng án treo về tội Vi phạm quy định về điều khiển pH tiện giao thông đường bộ.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/3/2024 cho đến nay tại xã Lộc An, huyện Bảo L tỉnh Lâm Đồng.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

3/ Họ và tên: **Đặng Văn T**; Sinh ngày: 30/7/1968 tại tỉnh Lâm Đồng.

HKTT và chỗ ở: 27 Lê Văn Tám, TDP 2, TT. D'Ran, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo.

Con ông: Hồ Văn T (đã chết); con bà Đặng Thị G (đã chết).

Vợ: Đỗ Thị Bích Huyền, sinh năm: 1972, hiện trú tại TDP 2, TT. D'Ran, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng. Bị cáo có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2004.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Bản án số 44/2014/HSST ngày 26/4/2014 của Tòa án nhân dân huyện Đ T, tỉnh lâm Đồng xử phạt bị cáo 12 tháng tù cho hưởng án treo về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/3/2024 cho đến nay tại xã Lộc An, huyện Bảo L tỉnh Lâm Đồng.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

4/Họ và tên: **Trần Văn L**; Sinh ngày: 13/11/1984 tại tỉnh Quảng Ngãi.

HKTT: TT Di Lăng, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi.

Chỗ ở: tổ 8, Phước Lập, phường Mỹ Xuân, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không.

Con ông: Trần Văn M, sinh năm: 1957; con bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1960; hiện trú tại Phường N Lộ, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Vợ: Nguyễn Thị Kim T, sinh năm: 1988, hiện trú tại phường Mỹ Xuân, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Bị cáo có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2014.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/3/2024 cho đến nay tại xã Lộc An, huyện Bảo L tỉnh Lâm Đồng.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

5/ Họ và tên: **Phạm Thế T**; Sinh ngày: 20/3/1989 tại tỉnh Quảng Ngãi; HKTT: thôn Trà Bình, xã Tịnh Trà, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

Chỗ ở: thôn 3, xã Lộc An, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không.

Con ông: Phạm Thế T, sinh năm: 1968; con bà Bạch Thị Thu H, sinh năm: 1968, hiện trú tại: xã Tịnh Trà, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

Vợ: Võ Thị Thị, sinh năm: 1993 (đã ly hôn), hiện trú tại: xã Tịnh Trà, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi. Bị cáo có 01 người con, sinh năm 2016.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/3/2024 cho đến nay tại xã Lộc An, huyện Bảo L tỉnh Lâm Đồng.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

6/Họ và tên: **Nguyễn Hữu T**; Sinh ngày: 12/10/1960 tại tỉnh Lâm Đồng.

HKTT và chỗ ở: thôn 3, xã Đại Lào, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không.

Con ông: Nguyễn Hữu N, sinh năm 1928 (đã chết); con bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1936 (đã chết).

Vợ: Lê Thị Thùy L, sinh năm 1965, hiện trú tại xã Đại Lào, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Bị cáo có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 1992.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị can bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/3/2024 cho đến nay tại xã Lộc An, huyện Bảo L tỉnh Lâm Đồng.

(Bị cáo có đơn đề N xét xử vắng mặt).

7/ Họ và tên: **Bùi Văn H**; Sinh ngày: 28/11/1982 tại tỉnh Quảng Trị.

HKTT: 344 QL 20, TT. Liên N, huyện Đ T, tỉnh Lâm Đồng.

Chỗ ở: thôn 3, xã Lộc An, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

Nghề nghiệp: Thợ sửa xe; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không.

Con ông: Bùi Văn C (đã chết); con bà Phạm Thị H, sinh năm 1964, hiện trú tại xã H Chánh, huyện H Lăng, tỉnh Quảng Trị.

Vợ: Trần Nữ Quỳnh Duyên, sinh năm: 1981; hiện trú tại TT. Liên N, huyện Đ T, tỉnh Lâm Đồng. Bị cáo có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2019.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/3/2024 cho đến nay tại xã Lộc An, huyện Bảo L tỉnh Lâm Đồng.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

**** Người làm chứng:*** Ông **Huỳnh Văn N**, sinh năm: 1972

Địa chỉ: thôn Nga Sơn 1, xã Lộc Nga, Tp. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

T các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào lúc 23 giờ 00 phút ngày 05/3/2024, tại nhà kho của Công ty Như L thuộc thôn 3, xã Lộc An, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng, Công an xã Lộc An, huyện Bảo L bắt quả tang Lê Minh Đ, Bùi Văn H, Lê Nguyên H, Trần Văn L, Phạm Thế T, Nguyễn Hữu T và Đặng Văn T đang đánh bạc trái phép được thua bằng tiền, hình thức xóc đĩa cùng với tang vật thu giữ trên chiếu bạc số tiền 8.400.000 đồng và trên người các đối tượng tham gia đánh bạc số tiền 8.013.000 đồng; 01 chiếu nhựa, kích thước (1,6x2,03)m; 01 chăn (mền) màu nâu, kích thước (1,9x1,2)m; 01 chén bằng sứ, kích thước miệng chén là 11,5cm; 01 chén (bát) bằng sứ có kích thước miệng chén 11,5 cm; 01 đĩa bằng sứ màu trắng, có kích thước mặt đĩa 18cm; 04 con vị hình tròn có đường kính 02cm được cắt ra từ các lá bài tú lơ khơ; 01 cây kéo có phần lưỡi dài 5cm, phần quai nhựa, tay cầm màu xanh; 03 bộ bài tú lơ khơ đã qua sử dụng; 01 bóp da màu nâu, bên trong có CCCD tên Huỳnh Văn N, số tiền 60.000 đồng và 07 điện thoại di động các loại.

Qua điều tra xác định: Tối ngày 05/3/2024, Lê Minh Đ, Đặng Văn T, Phạm Thế T, Lê Nguyên H, Trần Văn L cùng nhau đi ăn uống ở quán ăn đối diện kho của công ty Như L. Trong quá trình ăn uống, Đ, T, T, H và L rủ nhau đánh bạc ăn tiền bằng hình thức xóc đĩa. Đến khoảng 20 giờ 30 phút, Đ, T, T, H, L về nhà kho công ty Như L. Lúc này, T gọi điện thoại cho Bùi Văn H (đang đi ăn tối gần nhà kho công ty Như L) nói về việc đánh bạc thì H đồng ý tham gia. Đến khoảng 21 giờ, tất cả tập trung tại nhà kho rồi cùng nhau đi lên gác để đánh bạc. Tại đây có sẵn một chiếu nhựa, phía trên có trải một tấm chăn mỏng, 01 chén, 01 đĩa băng sứ, bên trong có sẵn 04 con vị, 03 bộ bài tú lơ khơ, 01 cái kéo. Các dụng cụ này là do các nhân viên công ty Như L chơi trước đây rồi để lại. H sử dụng chén, đĩa, bốn con vị đã có sẵn từ trước để xóc đĩa cho Đ, T, T, H, L đặt cược chẵn lẻ. Lúc này, Nguyễn Hữu T đang ngủ ở tầng 1 của nhà kho công ty, nghe thấy ồn ào, đặt cược tiền đánh bạc nên đi lên xem rồi cùng tham gia đặt tiền đánh bạc. Các con bạc quy định với nhau sẽ sử dụng 04 con vị (được cắt từ các lá bài, chia ra một mặt gọi là mặt trắng - là mặt có các ký hiệu quân bài, một mặt gọi là mặt đen - là mặt sau của lá bài) có từ trước bỏ vào chén, đĩa để xóc, kết quả ra hai mặt trắng, hai mặt đen hoặc bốn mặt trắng, bốn mặt đen là chẵn; còn nếu ra một mặt trắng, ba mặt đen hoặc một mặt đen, ba mặt trắng là lẻ. Sau đó, mỗi người đặt cược chẵn lẻ để ăn tiền, số tiền đặt cược từ 50.000 đồng đến 500.000 đồng. Tại sòng bạc không có người cảnh giới, không thu tiền xâu. H xóc đĩa được khoảng 30 phút thì chuyển cho T xóc đĩa đến khi bị Công an bắt quả tang.

Xác định số tiền các bị cáo đã dùng vào việc đánh bạc như sau:

- Lê Minh Đ có 2.528.000 đồng, trả cho H 1.000.000 đồng, cho H mượn 1.000.000 đồng, còn lại 528.000 đồng sử dụng để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, Đ thua số tiền 500.000 đồng.

- Bùi Văn H có 56.000 đồng. H được Đ trả nợ 1.000.000 đồng và mượn Đ 1.000.000 đồng, sử dụng số tiền 2.056.00 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, H đang thắng được số tiền 1.244.000 đồng.

- Đặng Văn T có 382.000 đồng, sử dụng toàn bộ vào mục đích đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, T thua số tiền 300.000 đồng.

- Phạm Thế T có 2.355.000 đồng, sử dụng toàn bộ để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, T đang huề vốn.

- Lê Nguyên H có 1.435.000 đồng, sử dụng toàn bộ để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, H đang huề vốn.

- Nguyễn Hữu T có 5.127.000 đồng, sử dụng toàn bộ để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, T đang huề vốn.

- Trần Văn L có 2.030.000 đồng, sử dụng toàn bộ để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, L thua 400.000 đồng.

Tổng số tiền các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc ngày 05/3/2024 là 16.413.000 đồng (gồm 8.400.000 đồng thu trên chiếu bạc và 8.013.000 đồng thu trên người các đối tượng và khai nhận sử dụng vào việc đánh bạc).

Tại phiên tòa, các bị cáo T khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng.

Cáo trạng số 69/CT-VKSBL ngày 30/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng truy tố các bị cáo

Lê Minh Đ, Bùi Văn H, Lê Nguyên H, Trần Văn L, Đặng Văn T, Phạm Thế T, Nguyễn Hữu T về tội "*Đánh bạc*" T khoản 1 điều 321 Bộ luật hình sự.

Đề N H đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lê Minh Đ**, **Lê Nguyên H**, **Đặng Văn T** mỗi bị cáo từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

Đề N H đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Văn L**, **Phạm Thế T**, **Nguyễn Hữu T** mỗi bị cáo từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

Đề N H đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, x khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Bùi Văn H** từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng

Do áp dụng hình phạt Cnh là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề N xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 16.431.000đ đồng, trong đó thu giữ trên chiếu bạc 8.400.000 đồng thu giữ trên người các bị cáo 8.013.000 đồng

Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếu nhựa có kích thước (1,6x2,03)m đã cũ, đã qua sử dụng; 01 chăn (mền) màu nâu, có kích thước (1,9x1,2)m, đã qua sử dụng; 01 chén (bát) bằng sứ, kích thước miệng chén là 11,5cm, có hình bông hoa trên thân chén, đã qua sử dụng; 01 chén (bát) bằng sứ có kích thước miệng chén 11,5 cm, dưới đáy chén có hình bông hoa, đã qua sử dụng; 01 đĩa bằng sứ màu trắng, có kích thước

mặt đĩa 18cm, đã qua sử dụng; 04 con vị hình tròn có đường kính 02cm được cắt ra từ các lá bài tú lơ khơ; 01 cây kéo có phần lưỡi dài 5cm, phần quai nhựa, tay cầm màu xanh; 03 bộ bài tú lơ khơ đã qua sử dụng (trong đó 01 bộ có 47 lá bài, 01 bộ có 51 lá bài, 01 bộ có 52 lá bài).

Cơ quan CSĐT Công an huyện Bảo L trả lại: 01 điện thoại di động Iphone 11 Pro, màu trắng, kèm T sim số 0836885727 cho bị cáo Phạm Thế T; 01 điện thoại di động Iphone X, màu đen, kèm T sim số 0917682447 cho bị cáo Bùi Văn H; 01 điện thoại di động Iphone 11 Pro, màu ghi, kèm T sim số 0848615552 cho bị cáo Trần Văn L; 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A03 màu đen, kèm T sim số 0907182899 cho bị cáo Nguyễn Hữu T; 01 điện thoại di động Iphone 8, màu ghi, kèm T sim số 0914570551 cho bị cáo Lê Minh Đ; 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A13, màu ghi, kèm T sim số 08344712292 cho bị cáo Lê Nguyên H; 01 điện thoại di động Samsung A15, màu đen, kèm T sim số 0335966982 cho bị cáo Đặng Văn T; 01 bóp da màu nâu, bên trong có CCCD tên Huỳnh Văn N và số tiền 60.000 đồng cho Huỳnh Văn N. Do vậy đề N H đồng xét xử không đề cập đến.

- Về án phí: Đề N H đồng xét xử buộc các bị cáo pH chịu án phí hình sự sơ thẩm T quy định của pháp luật.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Đề N H đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, H đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về việc đề N xét xử vắng mặt: Ngày 10/9/2024 Toà án nhân dân huyện Bảo L nhận được đơn đề N xét xử vắng mặt của bị cáo Nguyễn Hữu T, qua xem xét căn vào điểm c khoản 2 Điều 290 Bộ luật tố tụng hình sự. H đồng xét xử chấp nhận xét xử vắng mặt bị cáo Nguyễn Hữu T.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an huyện Bảo L; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về nội dung vụ án: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản phạm tội, vật chứng thu giữ, phù hợp lời khai người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Vào tối ngày 05/3/2024, tại thôn 3, xã Lộc An, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng, các bị cáo Lê Minh Đ, Bùi Văn H, Lê Nguyên H, Trần Văn L, Đặng Văn T, Phạm Thế T, Nguyễn Hữu T tham gia đánh bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình thức chơi xóc đĩa. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 16.413.000 đồng, trong đó thu giữ trên chiếu bạc 8.400.000 đồng thu giữ trên người các bị cáo

8.013.000 đồng (thu giữ của bị cáo Đ 28.000 đồng, thu giữ của bị cáo H 56.000 đồng, thu giữ của bị cáo T là 82.000 đồng, thu giữ của bị cáo T là 555.000 đồng, thu giữa của bị cáo H là 735.000 đồng, thu giữ của bị cáo T là 4.927.000 đồng thu giữ của bị cáo L là 1.630.000 đồng) để sử dụng vào mục đích đánh bạc.

Hành vi của các bị cáo Lê Minh Đ, Lê Nguyên H, Đặng Văn T, Trần Văn L, Phạm Thế T, Nguyễn Hữu T, Bùi Văn H đã phạm tội "Đánh Bạc" T qui định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự, như cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bảo L truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Đánh giá tính chất của vụ án là nghiêm T, hành vi đánh bạc trái phép là vi phạm pháp luật hình sự, gây nguy hiểm cho xã H, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã H, là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác nên cần pH xử phạt nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo T khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên được áp dụng T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo H, bị cáo L, bị cáo T, bị cáo T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm T nên được áp dụng T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo H có bố đẻ ông Bùi Văn C là liệt sĩ nên được áp dụng T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự

[6] Về T tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[7] Xét tính chất, mức độ của từng bị cáo như sau: Các bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội không có người khởi xướng cầm đồng và không có người chuẩn bị công cụ pH tiện phạm tội. Tuy nhiên khi xử phạt đối với các bị cáo cũng cần cân nhắc đánh giá nhân thân và các T tiết giảm nhẹ của các bị cáo. Bị cáo Đ vào năm 2012 bị Toà án nhân dân quận Hoàng Mai, T phố Hà Nội xét xử về tội đánh bạc, bị cáo H vào năm 2014 bị Toá án nhân dân huyện Đ T, tỉnh Lâm Đồng xét xử về tội vi phạm quy định về điều khiển pH tiện giao thông đường bộ, bị cáo T vào năm 2014 bị Toá án nhân dân huyện Đ T, tỉnh Lâm Đồng xét xử về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (đã được xoá án tích) nên hình phạt của các bị cáo Đ, H, T pH nghiêm khắc hơn các bị cáo khác. Đối với bị cáo H có bố đẻ là liệt sĩ bị cáo có nhiều T tiết giảm nhẹ nên cần cân nhắc xem xét mức hình phạt đối với bị cáo.

[8] Căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã H, nhân thân người phạm tội, các T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Các bị cáo Lê Minh Đ, Lê Nguyên H, Đặng Văn T, Trần Văn L, Phạm Thế T, Nguyễn Hữu T, Bùi Văn H phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm T, có nơi cư trú rõ ràng, trong thời gian tại ngoại không vi phạm pháp luật, do đó không cần thiết xử phạt tù đối với các bị cáo mà chỉ cần áp dụng hình phạt Cnh là phạt tiền đối với các bị cáo cũng đủ để răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã H.

[9] Về hình phạt bổ sung: Do áp dụng hình phạt Cnh là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[10] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Số tiền liên quan đến việc phạm tội nên tịch thu sung ngân sách 16.413.000 đồng, trong đó thu giữ trên chiếu bạc 8.400.000 đồng thu giữ trên người các bị cáo 8.013.000 đồng (thu giữ của bị cáo Đ 28.000 đồng, thu giữ của bị cáo H 56.000 đồng, thu giữ của bị cáo T là 82.000 đồng, thu giữ của bị cáo T là 555.000 đồng, thu giữa của bị cáo H là 735.000 đồng, thu giữ của bị cáo T là 4.927.000 đồng thu giữ của bị cáo L là 1.630.000 đồng).

Do không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy: 01 chiếu nhựa có kích thước (1,6x2,03)m đã cũ, đã qua sử dụng; 01 chăn (mền) màu nâu, có kích thước (1,9x1,2)m, đã qua sử dụng; 01 chén (bát) bằng sứ, kích thước miệng chén là 11,5cm, có hình bông hoa trên thân chén, đã qua sử dụng; 01 chén (bát) bằng sứ có kích thước miệng chén 11,5 cm, dưới đáy chén có hình bông hoa, đã qua sử dụng; 01 đĩa bằng sứ màu trắng, có kích thước mặt đĩa 18cm, đã qua sử dụng; 04 con vị hình tròn có đường kính 02cm được cắt ra từ các lá bài tú lơ khơ; 01 cây kéo có phần lưỡi dài 5cm, phần quai nhựa, tay cầm màu xanh; 03 bộ bài tú lơ khơ đã qua sử dụng (trong đó 01 bộ có 47 lá bài, 01 bộ có 51 lá bài, 01 bộ có 52 lá bài).

Cơ quan Công an huyện Bảo L đã tạm giữ và đã trả lại: 01 điện thoại di động Iphone 11 Pro, màu trắng, kèm T sim số 0836885727 cho bị cáo Phạm Thế T; 01 điện thoại di động Iphone X, màu đen, kèm T sim số 0917682447 cho bị cáo Bùi Văn H; 01 điện thoại di động Iphone 11 Pro, màu ghi, kèm T sim số 0848615552 cho bị cáo Trần Văn L; 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A03 màu đen, kèm T sim số 0907182899 cho bị cáo Nguyễn Hữu T; 01 điện thoại di động Iphone 8, màu ghi, kèm T sim số 0914570551 cho bị cáo Lê Minh Đ; 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A13, màu ghi, kèm T sim số 08344712292 cho bị cáo Lê Nguyên H; 01 điện thoại di động Samsung A15, màu đen, kèm T sim số 0335966982 cho bị cáo Đặng Văn T; 01 bóp da màu nâu, bên trong có CCCD tên Huỳnh Văn N và số tiền 60.000 đồng cho Huỳnh Văn N do vậy H đồng xét xử không đề cập đến.

[10] Xét ý kiến trình bày luận tội và quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L thấy rằng: Hình phạt đề N áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp với nhân thân và tính chất mức độ của hành vi phạm tội của các bị cáo nhưng mức đề N xử phạt đối với các bị cáo là chưa nghiêm khắc nên cần xem xét mức hình phạt đối với các bị cáo đủ để răn đe, phòng ngừa riêng các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã H, cũng như việc đấu tranh phòng chống tội phạm và các tệ nạn hiện nay.

[11] Về án phí: Bị cáo Lê Minh Đ, Lê Nguyên H, Đặng Văn T, Trần Văn L, Phạm Thế T, Nguyễn Hữu T, Bùi Văn H pH chịu án phí hình sự sơ thẩm T quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố**:** Các bị cáo **Lê Minh Đ, Lê Nguyên H, Đặng Văn T, Trần Văn L, Phạm Thế T, Nguyễn Hữu T, Bùi Văn H** phạm tội: "Đánh bạc".

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lê Minh Đ** 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng.

Xử phạt bị cáo **Lê Nguyên H** 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng.

Xử phạt bị cáo **Đặng Văn T** 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Văn L** 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

Xử phạt bị cáo **Phạm Thế T** 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự; điểm c khoản 2 Điều 290 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hữu T** 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, x khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Bùi Văn H** 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền đánh bạc 16.413.000 đồng, trong đó thu giữ trên chiếu bạc 8.400.000 đồng thu giữ trên người các bị cáo 8.013.000 đồng.

(Số tiền tịch thu sung ngân sách nhà nước trên T giấy uỷ nhiệm chi ngày 29/8/2024).

Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếu nhựa có kích thước (1,6x2,03)m đã cũ, đã qua sử dụng; 01 chăn (mền) màu nâu, có kích thước (1,9x1,2)m, đã qua sử dụng; 01 chén (bát) bằng sứ, kích thước miệng chén là 11,5cm, có hình bông hoa trên thân chén, đã qua sử dụng; 01 chén (bát) bằng sứ có kích thước miệng chén 11,5 cm, dưới đáy chén có hình bông hoa, đã qua sử dụng; 01 đĩa bằng sứ màu trắng, có kích thước mặt đĩa 18cm, đã qua sử dụng; 04 con vị hình tròn có đường kính 02cm được cắt ra từ các lá bài tú lơ khơ; 01 cây kéo có phần lưỡi dài 5cm, phần quai nhựa, tay cầm màu xanh; 03 bộ bài tú lơ khơ đã qua sử dụng (trong đó 01 bộ có 47 lá bài, 01 bộ có 51 lá bài, 01 bộ có 52 lá bài).

(Các vật chứng trên T biên bản giao nhận tài sản, vật chứng ngày 09/9/2024 giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo L và Công an huyện Bảo L).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và N quyết số 326/2016 UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lê Minh Đ, Lê Nguyên H, Đặng Văn T, Trần Văn L, Phạm Thế T, Nguyễn Hữu T, Bùi Văn H mỗi bị cáo pH nộp 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày 10/9/2024 để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Bị cáo vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết T quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng [(2)];
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo L;
- Chi cục THADS H Bảo L;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. H ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Đình Phong